

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Đỗ Thủy Minh T trình bày: Ngày 20/9/2019 bà T có cho ông K' S và ông K' N vay số tiền 300.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, thời hạn trả nợ là sau 3 tháng, tiền lãi thanh toán hàng tháng, mục đích vay tiền là để ông K' N và ông K' S trả tiền lãi nóng để chuộc sổ đỏ. Khi vay ông K' S và ông K' N có viết giấy vay tiền và thế chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 060111 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 06/11/2013 cho ông K' S đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ 10, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà T đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho K' S và K' N.

Khi vay tiền thì còn có bà K' S1 và chị K' L chứng kiến việc bà T cho ông K' S và ông K' N vay tiền. Mặc dù trong giấy viết tay không có tựa đề ngày 20/9/2019 bà K' S1 và chị K' L ghi có bảo lãnh cho ông K' N và K' S, nếu K' N và K' S không trả thì K' S1 và Chị K' L sẽ chịu trách nhiệm trả nợ nhưng thực tế K' S1 và chị K' L là người làm chứng việc bà T cho ông K' S và ông K' N vay tiền.

Đến ngày 06/11/2019 ông K' N và ông K' S tiếp tục vay của bà T số tiền 310.000.000 đồng khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, thời hạn trả nợ là sau 3 tháng, tiền lãi thanh toán hàng tháng, mục đích vay tiền là để K' N và K' S cũng dùng trả tiền lãi nóng để chuộc sổ đỏ. Khi vay K' S và K' N có viết giấy vay tiền và thế chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 278797 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 11/9/2018 cho ông K' S tại thửa đất số 93, tờ bản đồ 09, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà T đã giao đủ số tiền 310.000.000 đồng cho ông K' S và ông K' N. Khi vay tiền lần này có bà K' S1 chứng kiến việc vay tiền nhưng bà T không yêu cầu bà K' S1 phải ghi bất cứ giấy tờ gì.

Toàn bộ chữ kí và chữ viết chỗ người vay tiền trong 02 giấy vay tiền là do ông K' S và ông K' N viết.

Kể từ khi vay tiền cho đến nay, ông K' N và ông K' S chưa trả bất cứ khoản tiền lãi nào, sau khi đến thời hạn trả nợ bà T cũng đã nhiều lần yêu cầu ông K' S và K' N trả nợ cho bà T nhưng K' S và K' N trốn tránh không trả.

Nay bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc ông K' S và ông K' N có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 610.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 1,67%/ tháng kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án theo tỉ phần ông K' S trả 305.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi; ông K' N trả số tiền 305.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án. Bà T đồng ý trả lại cho ông K' S và ông K' N 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà T gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 278797 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 11/9/2018 cho ông K' S tại thửa đất số 93, tờ bản đồ 09 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 060111 được Ủy ban nhân dân

huyện B cấp vào ngày 06/11/2013 cho ông K' S đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ 10, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà T không yêu cầu bà K' S1 và chị K' L có trách nhiệm trả khoản nợ là 300.000.000 đồng vì K' S1 và chị K' L chỉ là người làm chứng việc bà T cho ông K' S và ông K' N vay tiền, giao tiền, nhận tiền với nhau.

Bị đơn ông K' S và ông K' N đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K' S1 trình bày: Chị K' L là cháu của bà K' S1 có dẫn ông K' S và K' N đến nhờ bà K' S1 dẫn đến nhà bà Đỗ Thụy Minh T để vay tiền. Do vậy, ngày 20/9/2019 bà K' S1 và chị K' L có chứng kiến ông K' S và ông K' N vay số tiền 300.000.000 đồng của bà T. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là 03 tháng. Bà T đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông K' S và ông K' N. Khi vay ông K' S và ông K' N có thể chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 060111 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 06/11/2013 cho ông K' S đối với thửa đất 140, tờ bản đồ 10, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Do bà T quen biết với bà K' S1 nên có yêu cầu bà K' S1 và chị K' L viết giấy bảo lãnh nhưng thực tế bà K' S1 và chị K' L không vay tiền của bà T.

Sau đó đến ngày 06/11/2019 K' N và K' S lại vay tiền tiếp của bà T số tiền 310.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là 03 tháng. Khi vay ông K' S và K' N có thể chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 278797 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 11/9/2018 cho ông K' S tại thửa đất số 93, tờ bản đồ 09, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Do trước khi vay tiền bà T có điện thoại nói bà K' S1 đến làm chứng thì bà T mới cho vay tiền nên bà K' S1 chứng kiến toàn bộ sự việc nhưng bà T không yêu cầu bà K' S1 viết giấy bảo lãnh.

Toàn bộ chữ kí và chữ viết chỗ người vay tiền trong 02 giấy vay tiền là do ông K' S và ông K' N viết.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông K' S và ông K' N trả nợ cho bà T tổng số tiền 2 lần vay là 610.000.000 đồng và lãi suất phát sinh, bà K' S1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì ông K' S, ông K' N vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, yêu cầu ông K' N và ông K' S có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 610.000.000 đồng và tiền lãi theo từng khoản vay là (300.000.000 đồng x 1,67 %/ tháng x 17 tháng 29 ngày = 90.013.000 đồng) + (310.000.000 đồng x 1,67 %/ tháng x 16 tháng 13 ngày = 85.075.000 đồng) = 175.088.000 đồng; trong đó ông K' S trả 305.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 87.544.000 đồng; ông K' N trả 305.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 87.544.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi từng người phải trả là 392.544.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông K' N và ông K' S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đỗ Thụy Minh T số tiền nợ gốc là 610.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 1,67%/ tháng kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử, theo tỷ lệ mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền gốc + tiền lãi. Về án phí buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông K' S, ông K' N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:* Nguyên đơn bà Đỗ Thụy Minh T khởi kiện yêu cầu buộc ông K' S, ông K' N phải trả số tiền gốc là 610.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 1,67%/tháng nên xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thụy Minh T, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện:

Theo giấy vay tiền 20/9/2019 bà T có cho ông K' S và ông K' N vay số tiền 300.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, thời hạn trả nợ là sau 3 tháng, tiền lãi thanh toán hàng tháng. Khi vay ông K' S và ông K' N có viết giấy vay tiền và thế chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 060111 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 06/11/2013 cho ông K' S đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ 10, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà T đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho K' S và K' N. Bên cạnh đó còn có giấy bảo lãnh của bà K' S1 và chị Chị K' L thể hiện có bảo lãnh cho ông K' S và ông K' N vay số tiền 300.000.000 đồng của bà T, cũng như chứng kiến toàn bộ quá trình vay tiền và giao nhận tiền giữa bà T với ông K' N và ông K' S. Đến ngày 06/11/2019 ông K' N và ông K' S tiếp tục vay của bà T số tiền 310.000.000 đồng khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, thời hạn trả nợ là sau 3 tháng, tiền lãi thanh toán hàng tháng. Khi vay ông K' S và ông K' N có viết giấy vay tiền và thế chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 278797 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 11/9/2018 cho ông K' S tại thửa đất số 93, tờ bản đồ 09, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà T đã giao

đủ số tiền 310.000.000 đồng cho ông K' S và ông K' N, việc vay tiền còn có bà K' S1 chứng kiến. Toàn bộ chữ kí và chữ viết chỗ người vay tiền trong 02 giấy vay tiền là do ông K' S và ông K' N viết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K' S và ông K' N đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải điều hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Chứng tỏ, ngày 20/9/2019 và ngày 06/11/2019 bà T cho ông K' S, ông K' N vay tổng số tiền 610.000.000 đồng đến nay ông K' S, ông K' N chưa trả là đúng sự thật. Do vậy, nay bà T yêu cầu buộc ông K' S, ông K' N có trách nhiệm trả số tiền gốc là 610.000.000 đồng là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K' S, ông K' N vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh, còn bà T khẳng định từ khi vay đến nay ông K' S, ông K' N chưa trả tiền lãi nên nay yêu cầu tính lãi phát sinh với mức lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày vay là 20/9/2019 đến ngày 19/3/2021 và từ ngày 06/11/2019 đến ngày 19/3/2021 cụ thể là (300.000.000 đồng x 1,67 %/ tháng x 17 tháng 29 ngày = 90.013.000 đồng) + (310.000.000 đồng x 1,67 %/ tháng x 16 tháng 13 ngày = 85.075.000 đồng) = 175.088.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 785.088.000 đồng. Bà T yêu cầu ông K' S và ông K' N có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc + lãi suất phát sinh, trong đó mỗi người có trách nhiệm trả 392.544.000 đồng là đúng pháp luật.

Khi vay ông K' S và ông K' N có thể chấp cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 060111 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 06/11/2013 cho ông K' S đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ 10, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 278797 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 11/9/2018 cho ông K' S tại thửa đất số 93, tờ bản đồ 09, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng nên buộc bà Đỗ Thụy Minh T trả lại cho ông K' S và ông K' N 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng quy định của pháp luật.

Bà K' S1 và chị K' L là người chứng kiến toàn bộ quá trình vay tiền, giao nhận tiền giữa bà T với ông K' S và ông K' N. Tuy bà K' S1 và chị K' L có viết giấy bảo lãnh cho ông K' N và ông K' S nhưng bà T không yêu cầu bà K' S1 và chị K' L có trách nhiệm gì trong vụ án này, do vậy không Hội đồng xử xét không xem xét đến.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thụy Minh T được chấp nhận nên buộc ông K' S và ông K' N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $392.544.000 \text{ đồng} \times 5\% = 19.627.000 \text{ đồng}$ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thụy Minh T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn ông K’ S, ông K’ N.

Buộc ông K’ S và ông K’ N có trách nhiệm liên đới trả cả gốc và lãi phát sinh cho bà Đỗ Thụy Minh T với số tiền 785.088.000 đồng; trong đó ông K’ S có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thụy Minh T số tiền 392.544.000 (*Ba trăm chín mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn*) đồng, ông K’ N có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thụy Minh T số tiền 392.544.000 (*Ba trăm chín mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-3-2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Đỗ Thụy Minh T có trách nhiệm trả cho ông K’ S và ông K’ N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 060111 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 06/11/2013 cho ông K’ S đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ 10, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 278797 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp vào ngày 11/9/2018 cho ông K’ S tại thửa đất số 93, tờ bản đồ 09, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí: Buộc ông K’ S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.627.000 đồng; buộc ông K’ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.627.000 đồng. Bà Đỗ Thụy Minh T được nhận lại số tiền 16.591.440 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004603 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hà Phạm Đức Minh

Trần Thị Hà Vi

